

Phần II: VĂN HỌC NGA XÔ VIẾT THẾ KỈ XX

Chương I: BỐI CẢNH LỊCH SỬ NƯỚC NGA THẾ KỶ XX

Thời kỳ tiền cách mạng từ đầu thế kỷ XX dẫn tới

Phong trào cách mạng ở nước Nga chuyển biến thành cao trào mới. Năm 1900, Lênin tổ chức tờ báo Tia Lửa ở nước ngoài làm cơ quan ngôn luận, chuẩn bị xây dựng một đảng cách mạng của giai cấp công nhân theo chủ nghĩa Mác.

Năm 1903. Đại hội lần thứ hai Đảng Công Nhân Xã Hội Dân chủ Nga, tiền thân của Đảng Bolshevik. Đại hội đưa ra vấn đề chuẩn bị cuộc cách mạng dân chủ tư sản - coi như giai đoạn đầu của cuộc cách mạng XHCN. Lênin và các chiến hữu đã đấu tranh quyết liệt với chế độ chuyên chế Nga hoàng và với các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân. Những cuộc tranh luận về tư tưởng song song với phong trào đấu tranh của công nhân mạnh mẽ khắp cả nước. Ngọn gió tươi mát của cách mạng ngày càng cuộn lên mãnh liệt sẵn sàng chuyển thành cơn bão táp cách mạng dữ dội.

Tháng 12 năm 1905, cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Matxkova nổ ra.

Đầu năm 1906, cuộc khởi nghĩa bị khủng bố, đến năm 1907 thì kết thúc. Cách Mạng 1905 - 1907 mang tính chất dân chủ tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo. Nó thất bại vì liên minh công nông chưa vững chắc, quân đội chưa ngả hẳn về phía cách mạng, nội bộ đảng công nhân chia rẽ 2 phái (mensevich và bolsevich), các nước Tây Âu giúp Nga hoàng đàn áp cách mạng. Tuy thế, cách mạng 1905 - 1907 đã giáng một đòn nặng vào chế độ Nga hoàng, thức tỉnh hàng triệu người dân lao động Nga và thúc đẩy cả phong trào đấu tranh của công nhân châu Âu, châu Mỹ và phương Đông.

Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) và Cách Mạng Tháng 10 Nga.

"Do mâu thuẫn và tranh chấp chia lại thế giới, các nước đế quốc tập hợp thành hai khối quân sự kình địch nhau ở châu Âu". Khối Liên Minh (thành lập 1882) gồm Đức, Áo, Hung và Ý, Khối Hiệp Ước (1907) gồm Anh, Pháp Nga. Hai khối ráo riết chạy đua vũ trang và tích cực chuẩn bị chiến tranh thế giới. Đức và Anh đứng đầu hai khối, là thủ phạm chính của cuộc đại chiến này, khi chiến tranh bùng nổ, Đảng Bolshevik do Lênin lãnh đạo đấu tranh chống lại chiến tranh đế quốc. Tháng 4 /1917 Mỹ nhảy vào vòng chiến, đứng về phe Hiệp Ước khi thấy họ sắp chiến thắng.

Tháng 2 năm 1917, Cách Mạng Dân Chủ Tư Sản Nga lần thứ hai thành công. Chế độ Nga hoàng bị lật đổ. Chính Phủ Lâm Thời Tư Sản vẫn tiếp tục tham gia chiến tranh đế quốc.

Năm 1917 cuộc đấu tranh giành chính quyền thật gay go và sôi sục giữa đảng Bonseovich của Lênin và các phe phái giai cấp tư sản. Mấy tháng trời nước Nga có hai chính quyền tồn tại song song - Chính phủ lâm thời và các Xô Viết (có nghĩa: Ủy ban). Những cuộc biểu tình khổng lồ chống lại "chính phủ lâm thời" vì họ ủng hộ chiến tranh thế giới. Quân đội hai bên bắt đầu xung đột. Giai cấp tư sản lập ra một chính phủ lâm thời thứ 3 do Kerenski cầm đầu (23/07/1917). Cuộc đảo chính nội bộ tư sản đưa ra tướng Kornilov. Đảng Bonseovich lãnh đạo đập tan cuộc bạo loạn. Uy tín cách mạng lên cao Lênin chỉ đạo khởi nghĩa vũ trang đêm 14/10. Bao vây cung điện Mùa Đông nơi ở của chính phủ tư sản lâm thời. Cuộc chiến đấu kéo dài tới đêm 26/10 thì chấm dứt. Toàn bộ chính phủ lâm thời tư sản bị bắt. Ngày 25/10 (tức là 7/11 - lịch mới) được coi là ngày chiến thắng của Cách Mạng Tháng Mười Nga.

Xây dựng chính quyền Xô Viết và chống thù trong giặc ngoài

Chính phủ Xô Viết tuyên bố xóa các thiết chế, tước hiệu cũ. Sau khi Chiến Tranh Thế Giới chấm dứt (1918), quân đội 14 nước đế quốc (Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Thổ, Ba lan...) cấu kết với bọn bạch vệ Nga mở cuộc tấn công, phong tỏa nước Nga Xô Viết. Hồng quân 3 triệu người đã chiến đấu dũng cảm, đến năm 1920 đã đánh tan toàn bộ lực lượng thù địch trong và ngoài nước.

Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921-1941)

Công cuộc khôi phục kinh tế và công nghiệp hóa mở đầu với chính sách kinh tế mới. Một số dân tộc khác tự nguyện gia nhập liên bang xô viết - gọi tắt là Liên Xô. Công cuộc tập thể hóa nông nghiệp bắt đầu từ năm 1928. Cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra hết sức quyết liệt. Chính quyền Xô Viết mắc một số sai lầm thiếu sót, nóng vội trong việc tập thể hóa nông nghiệp, phát sinh tệ nạn sùng bái cá nhân và quan liêu độc đoán nổi lên từ sau khi Lênin mất đã gây tác hại nghiêm trọng về sau.

Tháng 6 năm 1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô sau khi chúng gây ra Chiến Tranh Thế Giới Lần Thứ Hai. Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại nổ ra ở Liên Xô. Phe đồng minh gồm Anh, Pháp, Mỹ, Nga làm nòng cốt cùng với Mặt Trận Đồng Minh chống phát xít hình thành. Sau khi giải phóng đất nước, quân đội Liên Xô tấn công sang Berlin thủ đô Đức. Chính phủ Đức Quốc Xã ký kết đầu hàng ngày 8/ 5/1945.

Chiến tranh thế giới II kết thúc ở châu Âu. Đến ngày 14/8/45 phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng, chiến tranh kết thúc trên toàn thế giới.

Xã hội Liên Xô những năm 50, 60 và 70

Các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đều phát triển mạnh mẽ. Liên Xô đóng vai trò quan trọng trong Ba Dòng Thác Cách Mạng thế giới. Nền kinh tế quốc dân phát triển vượt bậc, khoa học đạt nhiều thành tựu. Văn học nghệ thuật phản ánh kịp thời cuộc sống mới và tích cực cổ vũ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xuất hiện xu hướng "tô hồng" cuộc sống, né tránh miêu tả những mâu thuẫn phức tạp trong xã hội. Nhìn chung, đời sống nhân dân đã có nhiều thay đổi lớn lao hơn hẳn thời kỳ trước Cách Mạng Tháng Mười, nhưng cũng dần dần bộc lộ

những mâu thuẫn mới.

Từ những năm 1980 đến năm 1990

Do hậu quả của những đường lối chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội có nhiều sai lầm, nảy sinh nhiều mâu thuẫn ngấm ngầm, lại thêm các nước tư bản chủ nghĩa bao vây nhiều mặt tìm mọi cách công kích Nhà Nước Liên Xô làm cho Đảng CSLX và Liên Bang Xô Viết tan rã. Tuy thế, đây không phải một sự quay trở về điểm xuất phát ban đầu. Lịch sử vẫn đi tiếp con đường của nó. Ngày nay, các nước cộng hòa tách ra độc lập, các đảng cộng sản vẫn tiếp tục hoạt động nhưng không còn là đảng cầm quyền. Nước Cộng Hòa Nga vẫn giữ ưu thế trong khu vực Liên Xô (cũ). Tình hình vẫn còn đang diễn biến phức tạp nhưng nước Cộng Hòa Nga dưới sự lãnh đạo của tổng thống V. Putin vẫn giữ vai trò quan trọng trong khu vực Liên Xô cũ. Nền văn học Nga đầy tiềm năng đang trở mình đổi mới.

Chương II: VĂN HỌC NGA TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX

Bước vào thế kỷ XX, trung tâm cách mạng thế giới đã chuyển từ Tây Âu sang nước Nga. Từ đây nhân loại bước vào một thời đại mới như Lê Nin từng xác định là "thời đại rung chuyển vũ bão, thời đại đấu tranh giai cấp hết sức gay gắt, thời đại nội chiến, thời đại cách mạng và phản cách mạng".

Chỉ trong vòng hơn 10 năm đầu của thế kỷ, nước Nga đã trải qua hai cuộc cách mạng (1905 và 1917) làm chấn động cả thế giới. Chế độ quân chủ chuyên chế phản động của Nga hoàng mục nát từ bên trong đã không đứng vững được trước cao trào đấu tranh cách mạng của nhân dân do Đảng của Lê Nin lãnh đạo, và cuối cùng nó đã sụp đổ hoàn toàn vào tháng Mười 1917.

Về tình hình văn học - nghệ thuật, trong hoàn cảnh lịch sử ấy, chủ nghĩa hiện thực phê phán Nga với đại biểu cuối cùng - nhà văn Antôn Sekhov về thực chất đã làm xong vai trò lịch sử vẻ vang của mình. Một khuynh hướng văn học mới mẻ, non trẻ đã hình thành từ trong đời sống văn học từ những năm 90 của thế kỷ XIX, gắn liền với những sáng tạo văn học của M. Gorki đã ngày càng tỏ ra có khả năng đáp ứng những nhu cầu to lớn và tích cực của cuộc sống đầy biến động dữ dội. Đến năm 1906, khi tiểu thuyết "Người Mẹ" và vở kịch "Kẻ thù" của Gorki ra đời thì khuynh hướng văn học mới ấy coi như đã đến độ chín muồi và bắt đầu vai trò lịch sử của nó.

Ngoài ra, cũng cần nhắc đến một số khuynh hướng văn học - nghệ thuật suy đồi, đặc biệt là "chủ nghĩa vị lai" từ phương Tây tràn sang, hoạt động âm ỉ, nhưng không được sự hưởng ứng nhiệt tình của đông đảo người cầm bút, nên khuynh hướng này không đóng được vai trò gì đáng kể trong đời sống xã hội và văn học trên đất nước Nga trong những năm đầu thế kỷ hai mươi.

Cuộc cách mạng Tháng Mười 1917 và sự hình thành nền văn học cách mạng

Từ năm 1905, Lênin đã đặt vấn đề: giai cấp vô sản cách mạng phải xây dựng nền văn học của mình, nhằm phục vụ lợi ích cao cả của nhân dân lao động; Đồng thời Người cũng đề xuất nguyên lý và nhiệm vụ của nền văn học đó. Đến cuối năm 1917 khi cách mạng đã thành công bước đầu, giai cấp vô sản và nhân dân lao động đã giành được chính quyền thì mới nảy sinh cơ sở và điều kiện lịch sử cụ thể để xây dựng nền văn học mới theo những nguyên lý đã đề ra: nền văn học vô sản cách mạng xã hội chủ nghĩa, gọi tắt là Văn Học Xô Viết (gồm văn học Nga và các nước khác trong Liên bang).

Khuynh hướng văn học vô sản vốn đã được lịch sử văn học chuẩn bị từ lâu trong thực tế, có thể coi như bắt đầu từ những truyện ngắn đầu tay của Macxin Gorki, chính thức từ tiểu thuyết "Người mẹ". Khuynh hướng này do Gorki có công khơi nguồn như một dòng suối nhỏ chảy bên dòng sông văn học hiện thực phê phán Nga, lúc ấy nó chưa có đủ điều kiện để thành dòng sông mới tiếp nối và thay thế dòng sông cũ đã cạn nguồn.

Sau Cách Mạng Tháng Mười 1917 và Nội chiến (1918 - 1921), Liên bang Cộng hòa XHCN Xô Viết (gọi tắt là Liên Xô) thành lập, đó là điều kiện lịch sử - xã hội làm nảy sinh nền văn học Xô Viết đa dân tộc, trong đó nền văn học Nga Xô Viết đóng vai trò chủ yếu và quan trọng.

Nền văn học Xô Viết kế tục và phát huy truyền thống tinh thần của các nền văn học quá khứ của các dân tộc anh em trong Liên bang Xô Viết, đồng thời có những đổi mới về nhiều mặt. Nó lấy hệ tư tưởng Mác - Lênin và nguyên lý mỹ học Macxit làm nền tảng cho sự nhận thức và cách chiếm lĩnh nghệ thuật đối với thực tại. Nó lấy việc phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và lợi ích của giai cấp vô sản và nhân dân lao động các dân tộc anh em làm nhiệm vụ chủ yếu. Chức năng cơ bản của nó là khẳng định lý tưởng của chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp xây dựng CNXH bằng những tác phẩm nghệ thuật.

Nhân vật trung tâm của khuynh hướng văn học này là Con người lao động (trí óc và chân tay) trực tiếp tham gia có ý thức vào quá trình cải tạo thế giới cũ và xây dựng thế giới mới XHCN. Có thể coi nhân vật Paven Vlasov trong tiểu thuyết "Người mẹ" của M.Gorki là một phác thảo ban đầu trong buổi bình minh của Cách Mạng Nga về nhân vật trung tâm của văn học vô sản cách mạng, là sự phát triển kế tiếp kiểu nhân vật "con người bé nhỏ" của nhà văn Sekhov và của chính M.Gorki giai đoạn đầu tiên.

Cùng với thời gian và sự nỗ lực tìm tòi sáng tạo, đi đôi với đấu tranh chống lại những quan điểm tư tưởng đối lập, thù nghịch, những người cầm bút Xô Viết dần dần nhận thức đầy đủ, đúng đắn và sâu sắc hơn về cách mạng, về chế độ mới và nền văn học này, ngày càng tập hợp đông đảo dưới ngọn cờ cách mạng. Đại Hội Nhà Văn Liên Xô lần thứ nhất (1934) đã đánh dấu sự lớn mạnh, trưởng thành của nền văn học Xô Viết đa dân tộc. Chưa có một nền văn học nào trên thế giới phát triển và trưởng thành nhanh chóng đến thế. Trong vòng chưa đầy 2 thập kỷ từ khi ra đời, nền văn học này đã có những tác phẩm đồ sộ được cả thế giới công nhận trong đó có giải thưởng Nobel văn học cho tiểu thuyết "Sông Đông Âm Đêm". Trong Đại Hội Nhà Văn Liên Xô 1934, M.Gorki đã đọc báo cáo nhấn mạnh: "Không nên quên rằng nền văn học tư sản Nga phải cần đến gần một trăm năm, kể từ cuối thế kỷ XVIII mới gây được cho mình một uy tín lớn trong cuộc sống và có ảnh hưởng nhất định đối với nó (văn học Xô Viết).

Nền văn học Xô Viết chỉ sau mười lăm năm đã có được một ảnh hưởng như vậy".

Văn hào Lỗ Tấn (Trung Quốc) năm 1935 trong một bài viết cũng thừa nhận rằng " văn học Xô Viết đã chiến thắng ".

Chương III: VĂN HỌC XÔ VIẾT TRONG CUỘC CHIẾN TRANH CHỐNG PHÁT XÍT, BẢO VỆ TỔ QUỐC XHCN (1941 - 1945).

Cuộc chiến tranh chống phát xít, bảo vệ Tổ quốc XHCN là một thử thách lịch sử nặng nề và vinh quang đối với chế độ Xô Viết nói chung và văn học Xô Viết nói riêng.

Bước vào cuộc chiến tranh, khoảng chín nghìn văn nghệ sĩ Xô Viết đã tình nguyện ra mặt trận với những cương vị, nhiệm vụ khác nhau. Đến khi chiến tranh kết thúc, một phần ba số văn nghệ sĩ ấy đã vĩnh viễn nằm lại ở chiến trường. Các nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ Alexei Tonstói, M.Solokhov, Simonov... đã ngày đêm sát cánh cùng các chiến sĩ Hồng quân và dân quân du kích, chiến đấu bằng súng đạn và bằng tác phẩm nghệ thuật của mình. Nhiều nhà văn viết được nhiều tác phẩm xuất sắc, phản ánh kịp thời cuộc sống và chiến đấu gian khổ, ác liệt và anh hùng của chiến sĩ Hồng quân ngoài mặt trận, được dân chúng và binh sĩ nhiệt liệt đón nhận. Những bài ký của I.Evenbua, B. Polevoi, thơ và kịch của Ximonov, truyện ngắn và ký của A.Tonstói, M.Solokhov, truyện thiếu nhi của A.Gaiđa...

Ngay từ thời chiến tranh ái quốc, các nhà văn đã kịp xây dựng các tác phẩm cỡ lớn như tiểu thuyết "Đội cận vệ thanh niên" của Fadeev, truyện vừa "Những người bất khuất" của Gorbátov, trường ca "Vasili Chorkin" của Tvardốpki...

Sau chiến tranh, cuộc chiến đấu chống phát xít vẫn còn là nguồn đề tài và cảm hứng mạnh mẽ cho sáng tạo nghệ thuật của nhà văn Xô Viết suốt nhiều thập kỷ, góp phần làm cho văn học Xô Viết đạt thêm nhiều thành tựu mới.

Chương IV: ẢNH HƯỞNG VÀ TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC CỦA VH XÔ VIẾT ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG TINH THẦN VÀ VH THẾ GIỚI

Văn học Xô Viết không chỉ là nền văn học nhanh chóng đi vào đời sống và có tác động tích cực đối với sự phát triển của nó trên đất nước Xô Viết mà còn có tác động to lớn, tích cực đối với đời sống tinh thần và sự phát triển văn học đương đại của nhiều dân tộc khác trên thế giới, đặc biệt là các dân tộc đang đấu tranh cho tự do, độc lập, tự chủ của mình (chiếm số dân ba phần tư nhân loại).

Trào Lưu Văn Học Hiện Thực XHCN khởi nguồn từ đất nước Xô Viết lan dần sang các nước khác theo nhịp sóng phong trào giải phóng dân tộc, đã tạo nên một trào lưu văn học rộng lớn mang tính quốc tế, trở thành đối trọng có ưu thế đối với trào lưu văn học suy đồi thuộc chủ nghĩa hiện đại (modernisme). Chỉ trong vòng 5 thập kỷ kể từ khi ra đời, văn học Xô Viết đã góp phần biến đổi hẳn

văn học thế giới đương đại cả về nội dung và hình thức. Con người lao động chân chính có ý thức về mình, về vai trò và khả năng làm chủ lịch sử, đã và đang chiếm vị trí trung tâm của văn học đương đại và đẩy lùi dần về phía sau các loại nhân vật "con người xa lạ" vị kỷ, cô đơn, chán đời... của văn học tư sản hiện đại.

Ở Việt Nam, do hoàn cảnh lịch sử, văn học Xô Viết được giới thiệu muộn hơn nhiều nước, nhưng lại nhanh chóng được công chúng rộng rãi hào hứng nhiệt tình đón nhận, nhất là thế hệ trẻ. Sau Cách Mạng Tháng Tám 1945, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, một số tác phẩm văn học Xô Viết ra đời trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc... được dịch ra tiếng Việt như cuốn "Tĩnh ủy bí mật" của Fedorov do Hồ Chí Minh lược dịch và giới thiệu, một số bài thơ của K.Ximonov như "Đợi anh về", "Aliosa nhớ chăng" tuyển tập ký "thời gian ủng hộ chúng ta" của I.Erenbua, truyện ngắn "Khoa học cấm thù" của M.Solokhov... đã được đông đảo đồng bào và chiến sĩ ta chuyền tay nhau đọc một cách thích thú và có tác động tích cực đến cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân ta.

Từ sau ngày hòa bình lập lại lần thứ nhất (1954), văn học Xô Viết mới thực sự được giới thiệu ở nước ta trên qui mô rộng lớn; ảnh hưởng tích cực của nó đối với đời sống tinh thần của nhân dân và với nền văn học hiện đại nước ta đã để lại những dấu ấn đẹp đẽ cũng như những bài học kinh nghiệm sâu sắc về sáng tác, bền vững ngay cả trong Văn học Việt Nam đang đổi mới ngày nay.

Maxim Gorki

Trong Lịch sử văn học Nga Xô viết, văn hào Macxim Gorki có vị trí đặc biệt. Ông là người khai sinh, là bậc thầy của văn học Nga - Xô Viết. Với toàn bộ tác phẩm của Macxim Gorki, văn học Nga trở thành ngọn cờ đầu của văn học thế giới đương đại trong công cuộc thức tỉnh và đấu tranh giải phóng nhân loại cần lao khỏi ách áp bức thống trị của chủ nghĩa tư bản. Ông cũng là người đánh dấu một bước ngoặt mới trong tiến trình văn học thế giới hiện đại.

Henry Bacbuse, nhân vật lớn của nước Pháp khẳng định: "ảnh hưởng của Macxim Gorki đối với các nhân vật trẻ, họa sĩ và nghệ sĩ chúng ta thật lớn lao. Macxim Gorki là ngọn đuốc vĩ đại, người mở những con đường văn học mới cho toàn thế giới và những nhà hoạt động văn học sẽ đi theo".

VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ VÀ SỰ NGHIỆP

Maxim Gorki tên thật là Alexei Macximovich Peskov, sinh ngày 28.03.1868 tại thành phố Nigioni Novogorod (nay là thành phố Gorki) trên bờ sông Volga, trong một gia đình đi làm thuê kiếm sống. Năm 16 tuổi, đến thành phố Kazan xin vào đại học nhưng bị từ chối. Peskov đi làm phu khuân vác, thợ làm bánh mì... và nhiều công việc khác để kiếm sống, đồng thời kiên trì tự học và tham gia sinh hoạt với nhóm thanh niên trí thức có tư tưởng tiến bộ. Chuyển đến vùng biển Lý hải sống với dân chài, nhận việc canh gác kho hàng ban đêm, cân hàng ở ga xe lửa. Từ năm 1889, ông bị cảnh sát theo dõi vì có quan hệ với những người làm cách mạng.

Mùa xuân năm 1891, Peskov bắt đầu một cuộc hành trình dài khắp nước Nga, vừa quan sát tìm hiểu cuộc sống vừa làm thuê kiếm sống.

Năm 1892, ông viết truyện ngắn đầu tay Makar Tsudra đăng trên tờ báo Kafkaz với bút danh "Macxim Gorki" làm xôn xao dư luận công chúng văn học đương thời.

Cuối năm 1892, ông trở lại quê nhà, cộng tác với báo chí vùng sông Volga và các báo ở thủ đô. Năm 1898-1899, ông xuất bản một số tập bút ký, truyện ngắn, một số tiểu thuyết và một vở kịch dưới ảnh hưởng của Đảng Công Nhân Xã Hội Dân Chủ Nga.

Mùa xuân năm 1901, ông bị chính phủ Nga hoàng trục xuất khỏi thành phố quê nhà vì ông đã viết truyền đơn kêu gọi lật đổ chính quyền chuyên chế. Năm 1902, ông được bầu làm viện sĩ danh dự Viện Hàn lâm Khoa học Nga, nhưng Nga hoàng ra lệnh bãi bỏ kết quả của cuộc bầu chọn này. Gorki tổ chức và lãnh đạo nhà xuất bản Trí Thức, tập hợp nhiều nhân vật tiến bộ của nước Nga đương thời.

Gorki tích cực tham gia cuộc Cách Mạng Nga lần thứ nhất: ông viết lời kêu gọi lật đổ chính quyền, bị Nga hoàng bắt giam. Một cơn bão táp phản kháng bùng lên khắp nước Nga và Châu Âu ủng hộ Gorki, khiến Nga hoàng phải trả lại tự do cho ông.

Mùa hè năm 1905, Gorki gia nhập Đảng Bolsevich, gặp gỡ Lênin ở Petersburg, tiếp tục viết bài cho báo chí Đảng.

Đầu năm 1906, sau khi cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Matksva thất bại, Đảng quyết định cử ông sang Tây Âu và Mỹ để làm công tác vận động. Trên đường đi ông viết "Lời kêu gọi" gửi giai cấp công nhân và giới trí thức các nước, vận động họ ủng hộ cách mạng Nga, đồng thời lên án chính phủ tư sản các nước Tây Âu đã tiếp tay cho Nga Hoàng đàn áp Cách Mạng Nga. Báo chí phản động ở Mỹ la ó ầm ĩ đòi Gorki phải rời khỏi Mỹ, nhưng ông vẫn ở lại tới mùa thu năm ấy, viết nhiều tác phẩm tố cáo chế độ tư bản (Xem Những Cuộc Phỏng Vấn Của Tôi Ở Mỹ) và hai tác phẩm mở đầu cho nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa là vở kịch "Những Kẻ Thù" và tiểu thuyết "Người Mẹ". Mùa thu năm 1906, Gorki sang Ý. Tháng 5.1907, ông được mời đi London dự đại hội Đảng lần V với tư cách đại biểu dự thính. Ở đây, ông gặp Lênin lần thứ hai. Từ đây cho tới cuối đời, Lênin thường xuyên quan tâm chăm sóc Gorki, khiến ông trở thành nhân vật vĩ đại của giai cấp vô sản. Cuối năm 1913, có lệnh ân xá của Nga hoàng, Gorki trở về nước. Ông viết các tác phẩm "Những Mẩu Chuyện Nước Ý" (1911-1913), tập truyện ngắn "Trên Nước Nga" (1912-1916), tiểu thuyết "Thời Thơ Ấu" và "Kiếm Sống" (tập I và II) là bộ tự truyện của ông.

Sau Cách Mạng Tháng 10 Nga, Gorki tích cực xây dựng nền văn hóa mới. Năm 1920, ông được cử đi dự Đại Hội Quốc Tế Cộng Sản lần thứ II ở Moskva.

Hè năm 1921, bệnh lao của Gorki trở nên trầm trọng. Lênin yêu cầu ông ra nước ngoài dưỡng bệnh (1921-1924 ở Đức, Ý, Tiệp). Ông tiếp tục sáng tác.

Năm 1931, ông trở về nước tích cực tham gia hoạt động xã hội và văn học.

Năm 1931, Macxim Gorki chủ trì Đại Hội Các Nhà Văn Xô Viết lần thứ I và được bầu làm chủ tịch Hội Nhà Văn. Năm 1935, ông được bầu làm ủy viên Xô viết tối cao Liên bang. Những năm cuối đời, ông còn viết nhiều vở kịch và bộ tiểu thuyết sử thi 4 tập "Cuộc đời của Klim Samghin" (1925-1936).

Macxim Gorki mất ngày 18.06.1936 tại Moskva. Nhân dân xúc động trước cái chết của ông cũng như một trăm năm trước đây người ta đã xúc động trước

cái chết của thi hào Puskin. "Gorki là lương tâm của chúng ta, là lòng dũng cảm và tình yêu của chúng ta" (cảm nghĩ của nhà văn Pauxtovski).

TRUYỆN NGẮN HIỆN THỰC VÀ LÃNG MẠN CỦA GORKI CUỐI THẾ KỶ XIX

Macxim Gorki viết văn đúng vào buổi giao thời: thế giới cũ đang sụp đổ, thế giới mới đang phôi thai trong bão táp cách mạng ùn lên từ phía chân trời.

Đó là lúc những bậc thầy của chủ nghĩa hiện thực (phê phán) Nga như Liev Tolstoi, A.Sêkhov bắt đầu cảm thấy không thể viết như cũ, phải viết cách khác cho đối tượng khác. L. Tolstoi ghi trong nhật ký cuối đời: "Tôi cảm thấy ngày càng sinh động và sinh động hơn, đòi hỏi phải viết cho cái thế giới đông đảo và chỉ có nó mà thôi".

Còn Sêkhov cũng rất đồng tình với ý kiến của Macxim Gorki và nói với ông trong một bức thư: "tôi cảm thấy bây giờ nên viết không phải như thế này, không phải về cái này, mà phải viết khác, viết cho một người khác, nghiêm túc và trung thực".

Vì thế, trong những sáng tác đầu tay của Gorki, ta sẽ thấy không chỉ có sự thể hiện ngòi bút đi tìm nhân vật chính cho tác phẩm, mà còn có cả nỗ lực tìm kiếm hướng đi và đối tượng mới cho văn học nói chung.

Những truyện ngắn đầu tay của ông như "Makar Tsudra", "Bà lão Izecghin", "Tsenkxo", "Bài ca con chim ưng"... được đón nhận như một hiện tượng lạ, một tín hiệu mới trong bầu trời ảm đạm của văn học Nga hồi ấy. Nhà văn Nga nổi tiếng lúc bấy giờ là Kôstôlenkô, người thầy văn học đầu tiên của Gorki, sau khi đọc những truyện ngắn này đã nhận xét:

"Truyện của anh lạ lùng thế nào ấy! Đây là chủ nghĩa lãng mạn, mà chủ nghĩa lãng mạn thì đã chết từ lâu rồi! Anh là nhà văn hiện thực chứ không phải lãng mạn, anh là nhà văn hiện thực!".

Nhưng rồi sau khi đọc truyện "Tsenkase", ông khen ngợi "anh biết xây dựng tính cách nhân vật của anh, nó nói năng hành động là do chính nó, tôi đã nói anh là nhà văn hiện thực mà!". Suy nghĩ thêm một lát, ông nói tiếp: "nhưng đồng thời anh cũng là một nhà văn lãng mạn".

Truyện ngắn thời kỳ đầu của Macxim Gorki thể hiện sự tìm tòi thể nghiệm độc đáo rõ nét. Về nhân vật, ông hướng tới những hình tượng có nhân cách lớn, bản lĩnh lớn, giàu tính lãng mạn, anh hùng trong các truyện dân gian như: Chàng trai Lôikô, thiếu nữ Radda (Makar Tsudra) yêu tự do hơn bất cứ thứ gì trên đời. nhân vật Đankô (Bà lão Izecghin) lấy trái tim mình làm ngọn đuốc soi đường cho đồng loại vượt qua đêm tối và rừng rậm. Con chim ưng (Bài ca con chim ưng) coi hạnh phúc thiêng liêng là được vùng vẫy tự do trên bầu trời đầy ánh sáng. Chim báo bão (Bài ca chim báo bão) một mình hiên ngang bay lượn trên mặt biển đầy bão táp, cất tiếng kêu gọi bão tố "Hãy nổi lên đi", trong khi các loài chim khác sợ hãi chạy trốn.

Truyện ngắn đầu tay "Makar Tsudra"

Trên những nẻo đường lang thang khắp nước Nga, tác giả (người kể chuyện thứ nhất) làm quen với một ông già chăn ngựa người Digan tên Makar

Tsudra. Nhân vật này sẽ là "người kể chuyện thứ hai". Ban đêm họ nằm bên đống lửa chuyện trò, "bên trái là cánh đồng mênh mông, bên phải là biển rộng bát ngát", đôi khi ngừng nói, lắng nghe tiếng sóng xô bờ và tiếng thì thầm của cỏ cây vùng duyên hải.... Từng cơn gió cuốn theo lá vàng nhăn nhoe hất nó vào đống lửa, ngọn lửa bùng to lên.

Ông già Makar Tsudra là một người từng trải cuộc đời lang thang du mục. Ông hằng hái tranh cãi với chàng thanh niên lang thang Peskov về những vấn đề lý tưởng của cuộc sống, về thân phận con người, về nỗi đau và niềm vui và sau cùng về chủ đề tự do.... Khi thấy chàng trai lắng nghe tiếng hát quyến rũ của cô gái Nonka xinh đẹp - con gái cưng của lão - lão bèn khuyên nhủ anh "chớ có tin bọn con gái, phải tránh họ thật xa ra, hôn nó rồi thì bao nhiêu ý chí trong đầu anh tiêu hết. Nó ràng buộc anh bằng một cái gì vô hình mà anh không bao giờ gỡ ra được và anh sẽ hiến dâng cả tâm hồn cho nó... tôi kể cho anh nghe một câu chuyện, nghe mà nhớ lấy và hễ nhớ thì suốt đời được làm con chim tự do".

Câu chuyện của ông già digan kể về đôi trai tài gái sắc đều là dân du mục của thảo nguyên bao la nước Nga. Chàng tên là Lôikô Zôbar nổi tiếng dũng cảm hiên ngang trên mình ngựa, hát rất hay và đôi tay tài hoa chơi đàn vĩ cầm. Tiếng hát và tiếng đàn của chàng khiến cho người nghe "máu trong huyết quản nóng bừng lên, tiếng nhạc kêu gọi người ta đi đến chốn nào không rõ, tiếng nhạc làm cho mọi người phải khao khát một cái gì". Nhưng chàng còn là một con người đầy kiêu hãnh.

Còn nàng Radda cô gái du mục, con bác lính già Danilo, theo lời kể của ông già Makar thì "Radda mô tả bằng lời thì chẳng nói được chút gì hết ! Cái nhan sắc ấy may ra chỉ có thể ca ngợi trên phím đàn vĩ cầm, mà cũng chỉ có kẻ nào am hiểu cây đàn ấy như hiểu chính tâm hồn mình mới ca ngợi nổi ". Nàng làm khô héo bao nhiêu trái tim trai trẻ. Một lão đại thần giàu sang quyền quý đem bạc vàng quỳ dưới chân cha con nàng cũng đành nuốt nhục bỏ đi.

Hai con người đẹp đẽ nhất, niềm tự hào và niềm vui của thảo nguyên đã gặp nhau. Radda cất tiếng hỏi chàng trai "Anh đàn hay lắm Lôikô ạ ! Ai làm cây đàn cho anh mà tiếng vang và nhuần như vậy?". Lôikô cười : "Chính tay tôi làm ra nó; không phải bằng gỗ mà bằng bộ ngực của người con gái ngày trước yêu tôi say đắm, dây đàn thì tôi se bằng thớ tim của nàng. Đàn chưa được chắc tiếng nhưng tôi cầm mã vĩ vững tay lắm".

Radda ngoảnh đi, ngáp dài và nói "Thế mà người ta cứ bảo Zobar khôn khéo và thông minh ! Thật là người đời chỉ ưa đồn nhảm". Nói đoạn bỏ đi thẳng (.....) Hôm sau thức dậy, thấy đầu Zôbar có cuốn một mảnh vải. Chàng làm sao thế ? Ấy là con ngựa giẫm vó phải chàng trong khi ngủ (Chúng tôi thừa biết con ngựa ấy là ai rồi và tủm tỉm cười trong râu, cả bác Danilo cũng vậy.....). Họ đóng trại du mục ở vùng đó khá lâu. Lôikô Zôbar ở đó với họ và được mọi người quý mến về tài kể chuyện thông thạo, nhiệt tình say sưa đàn hát cho mọi người cùng thưởng thức. Chỉ có một người không thèm để ý đến chàng, đó là Radda. Nàng lại còn chế giễu Lôikô nữa, khiến tim chàng đau nhói lên, nghiêng răng ken két, đôi mắt sa sầm....

Một đêm Lôikô đi rất xa ra thảo nguyên để tránh mọi người và cây vĩ cầm của chàng khóc cho đến sáng. Nó khóc thương cái ý chí của chàng Lôikô Zôbar

đã tiêu tan.... Ai cũng lo lắng và thương xót chàng, nhưng không biết nên làm gì đây?

Tối hôm sau, bác lính già Danilo yêu cầu Lôi-kô hát một bài. Chàng và cây vĩ cầm cất tiếng:

(.....) Hãy bay tới, vầng dương đang chờ đợi
hãy vút lên, cao mãi tận trời xanh
nhưng chớ để bờm ngựa bay vương phải
ánh dung nhan kiều diễm của Nàng Trăng

Những người du mục xuýt xoa tan thưởng. Còn Radda nàng nói như xối nước:

Anh chẳng nên bay cao như thế, Lôi-kô ạ, lỡ rơi chúi mũi xuống vũng nước thì ướt hết cả bộ râu.

Chàng cố nhin và hát tiếp. Bác Danilo, cha nàng, mọi người đều hết lời ca tụng. Còn Radda tiếp tục xối nước lạnh:

Có lần muỗi vo ve bắt chước tiếng đại bàng, nghe cũng như thế đấy.

Mày muốn ăn roi hả, Radda ? Bác Danilo sấn tới bên con gái.

Lôi-kô Zô-bar quẳng mũ xuống đất, mặt tối xỉn như màu đất - "Hãy khoan, bác Danilo. Ngựa dữ thì đã có hàm thiếc ! Hãy gả con gái cho tôi!".

Anh nói khá lắm ! - Bác Danilo cười - Đấy, có lấy được thì cứ lấy.

Tốt lắm - Lôi-kô đáp, rồi quay sang Radda: Nào cô thiếu nữ,... đừng có làm bộ!

Bọn con gái các cô, tôi biết nhiều rồi ! Nhưng chưa có cô nào kích động được lòng tôi như cô. Cô đã thu phục được tâm hồn tôi !... Tôi lấy cô làm vợ, trước Thượng đế, trước danh dự của tôi, trước cha cô và tất cả mọi người. Nhưng hãy nhớ lấy, đừng có bó buộc sự tự do của tôi, tôi là người tự do, tôi muốn sống ra sao, tôi sẽ sống như thế.

Đoạn tiến về phía Radda, hai môi mím chặt, mắt sáng long lanh, chúng tôi thấy chàng chìa tay ra Bỗng nhiên chàng vung hai tay lên trời, ngã ngửa ra, gáy nện xuống đất.... Đó là Radda đã quất chiếc roi da vào chân chàng, giật mạnh làm Lôi-kô ngã. Thế rồi nhàng lại nằm im, không nhúc nhích, cười thăm một mình... Lôi-kô ôm đầu, rồi đứng dậy bỏ đi ra thảo nguyên. Ông già Makar rón rén đi theo chàng vào đêm tối của thảo nguyên... Lôi-kô ngồi trên một tảng đá, buông tiếng thở dài.... Bóng Radda đang vội vàng từ phía trại đi tới... nàng đặt tay lên vai chàng. Lôi-kô nhảy phắt dậy, rút dao. Radda cầm khẩu súng lục nhắm vào trán chàng... rồi họ cùng cất vũ khí. Radda nói với Zô-bar: "Anh nghe đây, tôi đến đây không phải để giết anh, mà để làm lành, vứt dao đi. Lôi-kô, tôi yêu anh.... Tôi đã gặp nhiều chàng trai, nhưng anh đẹp hơn và gan dạ hơn cả về tâm hồn và gương mặt... Tôi chưa yêu ai bao giờ, Lôi-kô ạ, tôi chỉ yêu anh!. Nhưng tôi còn yêu tự do hơn nữa, tôi yêu tự do hơn yêu anh. Nhưng không có anh tôi không thể sống được, cũng như anh không thể sống thiếu tôi. Tôi muốn anh là của tôi, cả linh hồn lẫn thân thể, anh nghe rõ không?".

Lôi-kô cười nhạt:

Tôi nghe ra rồi ! Nghe cô nói, lòng tôi vui lắm đấy ! Nào nói nữa đi.

Thế này nhé, Lôi-kô, dù anh có vung vẩy ra sao tôi cũng sẽ trị được anh, anh cũng sẽ thuộc về tôi. Thế thì đừng để mất thì giờ vô ích: những chiếc hôn và những âu yếm, vuốt ve của tôi đang chờ đợi anh.... Tôi sẽ hôn anh rất nồng nàn, dưới chiếc hôn của tôi, anh sẽ quên cuộc sống ngang tàng của anh... và những

bài ca sôi nổi của anh trước đây vẫn là niềm vui của bọn trai trẻ digan sẽ không còn vang trên thảo nguyên nữa. Anh sẽ hát ~ bài tình ca êm dịu cho tôi, cho Radda nghe.... Nghiễa là ngày mai anh sẽ phải phủ phục dưới chân tôi trước mặt toàn trại và hôn bàn tay phải của tôi. Lúc bấy giờ tôi sẽ là vợ anh.

Lôikô nhảy lui, thét lên một tiếng vang cả thảo nguyên như vừa bị trúng thương ở ngực. Radda run lên nhưng lại bình tĩnh " Thôi chào anh, hẹn ngày mai nhé".

Zôbar rên rỉ "Nghe ra rồi. Ngày mai tôi sẽ làm". Nàng bỏ đi. Chàng ngã vật ra, vừa khóc vừa cười.

Ông già Makar quay về trại, kể tất cả mọi chuyện cho cả trại du mục nghe. Mọi người hồi hộp chờ đợi. Tối hôm sau khi mọi người tụ tập quanh đồng lửa, Lôikô đến, hốc hác, mắt trũng sâu, chàng nhìn xuống đất nói với tất cả mọi người rằng chàng đã yêu Radda hơn tất cả mọi thứ, kể cả tự do. Rằng chàng sẽ quỳ phủ phục dưới chân nàng để xin cưới. Từ nay, chàng bảo sẽ không còn hát cho mọi người nghe nữa... Còn nàng lặng lẽ và nghiêm khắc, gật đầu, trở ngón tay xuống chân mình. Ông già Makar kể rằng: "Chúng tôi cứ ngỡ ra nhìn... thậm chí muốn đi đâu cho rảnh, khỏi phải thấy cảnh Lôikô Zôbar sụp xuống chân một đứa con gái dù đó là Radda. Chúng tôi thấy hổ thẹn, thương xót, buồn tủi...".

Radda lại giục già Lôikô, chàng bảo:

Chà, sao vội thế? Còn thời giờ mà, rồi cô lại phát ngáy lên ấy chứ... Rồi chàng cười phá lên - Đấy, sự tình chỉ có thể thôi các bạn ạ. Còn phải thử xem Radda của tôi có trái tim rắn chắc như nàng đã tỏ ra với tôi hay không? Vậy tôi xin thử, các bạn tha thứ cho tôi.

Chúng tôi chưa kịp đoán xem Zôbar định làm gì thì Radda đã ngã sòng xoài trên mặt đất, trên ngực cắm sâu đến tận cán con dao quắm của Zôbar. Chúng tôi choáng người lên.

Radda rút con dao, ném sang một bên, rồi lấy mái tóc đen nhánh áp lên vết đâm và mỉm cười nói to, giọng rành rọt:

Vĩnh biệt Lôikô ! Em biết trước là anh sẽ làm như vậy - rồi nàng tắt thở.

Ôi ! giờ thì tôi xin phủ phục dưới chân em, hỡi nữ hoàng kiêu hãnh, Lôikô hét vang cả thảo nguyên rồi phục xuống, áp môi vào chân người đã chết, lịm đi hồi lâu. Chúng tôi cất mũ và đứng lặng, mọi người bàng hoàng chưa biết xử lý ra sao. Còn Lôikô thì nhặt con dao Radda vứt đi, ngấm nhìn hồi lâu.... Máu Radda còn nóng trên lưỡi dao. Rồi Danilo tiến sát đến Zôbar, và cắm con dao vào lưng chàng, đúng phía tim. Người lính già Danilo đúng là cha đẻ của Radda. "Thế đấy !" - Lôikô ngoảnh lại nhìn Danilo nói rất rõ, rồi hồn chàng bay theo Radda.

Nghe xong câu chuyện tình bi tráng, thảm khốc, tác giả không ngủ được. Đêm ấy, anh nhìn thấy trong khoảng không bao la của thảo nguyên, bóng đôi tình nhân bay chậm chạp. Cả hai uy nghi lượn vòng im lặng trong bóng tối, nàng áp bàn tay vào mồn tóc đen nhánh lên vết thương trên ngực, và qua mấy ngón tay thanh tú râm nắng của nàng, máu rỉ ra từng giọt nhỏ xuống đất thành những ngôi sao màu đỏ rực lửa.... Và theo gót nàng là chàng Lôikô Zôbar đứng cảm, chàng trai tuần tú không bao giờ với tới được nàng Radda kiêu kì.

1. Truyện ngắn "Makar Tsudra" mở màn cho hàng loạt tác phẩm lãng mạn chủ nghĩa như: "Cô gái và thần chết", "Kha hãn và con trai của y", "Truyện thuyết về Marco", "Bà lão Izecghin", "Bài ca con chim ưng" và "Bài ca chim báo bão".

Vì sao trong những năm cuối thế kỷ XIX, văn học Nga đã đi sâu vào nghệ thuật hiện thực, bỏ lại xu hướng văn học lãng mạn ở đầu thế kỉ mà giờ đây Gorki lại khơi dậy ? Văn học lãng mạn của Gorki có khác gì với văn học lãng mạn truyền thống Nga mà Puskin đã từng làm ngọn cờ đầu ?

Trong truyền thống văn học thế giới, xu hướng lãng mạn nảy sinh khi mà thời đại xuất hiện những hi vọng còn mờ mờ và những dự cảm cao cả, tốt đẹp chưa rõ nét, đêm trước của cách mạng. Yếu tố lãng mạn của Gorki thực chất là một lý tưởng cách mạng vừa ra đời, tuy còn trừu tượng nhưng đặc biệt mạnh mẽ. Đó là những bước đi đầu tiên của giai cấp vô sản đang phát triển, người anh hùng mới đã xuất hiện. Gorki là nhân vật đầu tiên cảm nhận được tính chất vĩ đại của các biến cố đang kéo đến. Sự xúc động của nhân vật đã được bộc lộ trong những nhân vật mới lạ như: Lôi-kô, Radda, Danko, bà lão Izeccghin, Con Chim Ưng và Con Chim Báo Báo. Nhân vật sinh ra trong những chuỗi ngày phi thường là những cuộc hội hè và những ngày đấu tranh đẫm máu, những ngày khủng khiếp và rục rỡ.

Đó là một chủ nghĩa lãng mạn cách mạng ở Gorki thời trẻ, xen kẽ với nghệ thuật hiện thực phê phán. Gorki - người thực sự đóng vai trò khép lại nền nghệ thuật hiện thực của Nga và mở ra một nền văn học Nga mới mẻ.

Nền văn hóa tư sản Nga cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đang rơi vào những khuynh hướng suy đồi, chủ nghĩa hiện thực phê phán ngày càng sa sút.

Nhà văn trẻ Gorki trong khi bảo vệ những truyền thống hiện thực chủ nghĩa trước sự tấn công của các nhân vật suy đồi, nhưng đã nhận ra rằng những truyền thống ấy cần phải được đổi mới, nghĩa là trong những điều kiện lịch sử mới cần viết theo phương pháp mới. Gorki đã viết những truyện ngắn hiện thực mới như: "Vợ chồng Orlov", "Hai mươi sáu anh chàng và một cô gái", "Kẻ vô lại", "Báo thù", "Emilian Pilai", "Tsencasô" và nhiều truyện ngắn khác. Đó là thế giới nhân vật của những người phiêu bạt, du thủ du thực, hành khất, trộm cắp và gái điếm. Nếu như đại biểu ưu tú cuối cùng của chủ nghĩa hiện thực phê phán Nga A.Sêkhov đã đóng góp loại nhân vật "con người bé nhỏ" thì Gorki đã phát hiện và miêu tả một loại nhân vật mới: "Con người dưới đáy" (xét về giai tầng xã hội thì loại người này thấp hơn loại người "bé nhỏ" tiểu tư sản sống mòn), họ được coi là ở cái bậc thang chót của xã hội. Kết thúc chủ đề này là vở kịch "Dưới đáy" hoàn chỉnh hơn cả.

2. Truyện ngắn "Tsencase" kể về một gã lưu manh có bản lĩnh tên là Tsencase chuyên "làm ăn" ở các bến tàu biển. Nhân vật thứ hai là Gavrin anh chàng tiểu tư sản nghèo khổ sắp rơi xuống "dưới đáy". Anh chàng này gặp gỡ Tsencase và xin theo gã đi "làm ăn" với hi vọng kiếm một số vốn để xây dựng cơ nghiệp. Sau một chuyến đi ăn trộm hàng trên tàu biển, hai gã đến một chỗ vắng để chia của. Gã nông dân tư hữu Gavrin không đành lòng tham lam sinh ra lòng tàn nhẫn, đã đang tâm đánh ngã Tsencase, định giết anh để chiếm trọn số tiền. Tsencase bị thương nặng nhưng vẫn còn đủ sức trừng trị tên Gavrin, tên này lạy van xin tha tội. Tsencase nghe hắn giải bày hoàn cảnh và ước vọng, anh khinh bỉ và ném toàn bộ số tiền của mình cho tên bạn sa đọa ghê tởm. Là một người bị tàn tạ về đời sống vật chất, bị hư hỏng về mặt tinh thần, anh chỉ là một hi sinh của xã hội tư bản. Tsencase không phải là một người anh hùng, mặc dù anh ta xử sự cao thượng, vị tha. Anh không bị lòng tham lam, thói lừa đảo,

bóc lột làm hủy hoại chút nhân phẩm còn sót lại. Đó là điều khác biệt với những kẻ đang "làm chủ cuộc sống" thời ấy. Cuộc sống lưu manh là bắt đắ dĩ, bởi vì họ bị hất ra bên lề cuộc sống bình thường.

Hình tượng những người tư sản lưu manh của Gorki được trình bày trong toàn bộ tính phức tạp và đầy mâu thuẫn của nó. Đây là những đóng góp đáng kể của Gorki cho nền nghệ thuật hiện thực phê phán Nga, đồng thời là những bước đi đầu tiên của một khuynh hướng văn học mới.

Tiếp tục truyền thống của chủ nghĩa hiện thực phê phán Nga, Gorki miêu tả nỗi đau khổ của nhân dân và phơi bày ra ánh sáng bộ mặt đê tiện, xấu xa của chế độ tư bản - phong kiến Nga hoàng, kẻ đã đẩy ải hàng triệu người vào cảnh bần cùng.

Truyện ngắn "Người Bạn Đường Của Tôi" miêu tả những đoàn người đói khát lũ lượt kéo nhau đi tìm việc làm hoặc đi hành khất.

3. Truyện ngắn "Hai mươi sáu anh chàng và một cô gái" kể chuyện 26 người lao động làm thuê vì miếng ăn phải chịu cảnh khổ sai tù túng. Đó là 26 cái máy sống bị nhốt trong hầm nhà ẩm ướt, nơi đây họ nhào bột từ sáng đến tối làm bánh sữa và bánh mì khô. "Ông chủ đã rào sắt bên ngoài cửa sổ để chúng tôi không thể đem những mẫu bánh mì cho những người ăn xin và bạn bè của chúng tôi đang đói vì thất nghiệp".

Họ sống ở dưới đáy của căn nhà nhiều tầng của một ông chủ. Cuộc đời cực nhọc và tối tăm cũng không dập tắt được nhiều tia sáng ước mơ. Giữa cảnh đời buồn chán, tù túng ấy, 26 người thợ chỉ còn biết tiếp xúc với một người duy nhất: Cô hầu phòng Tania mười sáu tuổi xinh đẹp hàng ngày đến hầm nhận bánh mì. Tania yêu mến họ, còn họ thì khỏi phải kể, họ đã yêu quý cô, chiều chuộng cô như một thần tượng thiêng liêng, như ngôi sao lóe sáng, trong sạch trong đêm tối. Họ đã đặt vào cô bao nhiêu hi vọng và hồi hộp theo dõi "cuộc quyết đấu" giữa vị Nữ thần bé nhỏ và một gã lính giàu có đê tiện, sở Khanh. Nhưng họ đã thất vọng cay đắng. Những người vỡ mộng này đã lãng nhệ cô bằng tất cả mọi ngôn ngữ. Họ coi cô bé Tania là kẻ đã bóc lột tất cả những gì tốt đẹp nhất còn lại của họ "mặc dù cái tốt đẹp ấy chỉ là những mẫu vụn của những kẻ hành khất". Nhưng rồi chính họ qua cơn nóng giận cũng biết mình xử sự không đúng. Ảo mộng của họ bị tiêu tan chẳng phải do lỗi của Tania.

4. Truyện ngắn "Lão Arkhip và bé Lionka" kể về cái kết thúc bi thảm của hai ông cháu người hành khất: Lão Arkhip và bé Lionka.

Tâm hồn non nớt, ước mơ tràn đầy của cậu bé Lionka đôi khi bị tổn thương vì thấy ông nội mắc tội ăn cắp. Cậu bé đã cảm nhận được sự nhục nhã của kiếp người bị xã hội khinh rẻ. Trong một lúc hoang mang đau đớn, cậu bé Lionka đã sỉ nhục ông già. Nó có biết đâu ông lão chỉ lo nó chết đói, và ông còn lo gom góp một số tiền để chết được an tâm. Ông lão có thể chịu đựng được tất cả những lời chửi rủa của thiên hạ, song đến lời chửi rủa của thằng bé thì đã quá sức chịu đựng của ông. Ông đau đớn tê tái, sụp đổ. Khi cơn mưa bão ập tới, thằng bé Lionka giục ông xách bị gậy chạy vào làng tìm chỗ trú ẩn. Ông lão thở hắt hắt:

Tao không vào làng đâu ! Cứ để cho con chó già này, thằng ăn cắp này ngồi đây cho mưa gió vui đập, cho sấm sét đánh chết đi. Tao không vào đâu, mày cứ vào một mình đi. Đi đi... tao không muốn mày ở đây.

Lionka nhích lại gần ông, van lơn:

Ông ơi! Xin ông tha lỗi cho cháu. Lúc này giọng ông lão như quát lên, nghe khàn đặc:

Tao không đi.... Tao không tha thứ.... Tao nâng niu mày suốt bảy năm trời. Cái gì cũng vì mày.... Tao sống cũng chỉ vì mày. Tao có cần gì đâu? Tao chết đến nơi rồi.... Tao chết đây, thế mà gọi tao là quân ăn cắp !... vì sao tao phải ăn cắp ? Vì mày.... Cũng vì mày tất cả. Đây mày cầm lấy... cầm lấy... tao cố góp nhặt để nuôi mày... để mày có tiền mà sống. Cho nên tao phải ăn cắp... Chúa biết hết cả.... Tao ăn cắp.... Chúa biết hết cả... tao ăn cắp... Chúa sẽ trừng phạt tao. Chúa chẳng tha cho con chó già này đâu, cái tội ăn cắp! Và Chúa đã trừng phạt tao rồi... Chúa đã dùng bàn tay một đứa bé để giết chết con ! (ngửa mặt lên trời) như thế là đúng, lạy chúa, đáng đời rồi.... Chúa công bằng lắm ! Xin chúa hãy vớt lấy hồn con ... ui chà !...

Tiếng ông lão cao dần lên thành tiếng rít the thé, gieo nỗi kinh hoàng vào tâm trạng Lionka. Cơn mưa bão nổi lên càng dữ dội. Sau khi ôm xiết đứa cháu một lần chót, ông rú lên điên dại. Lionka hoảng hốt bỏ chạy ra phía thảo nguyên...

Sáng hôm sau dân làng nhìn thấy ông già Arkhip hành khất đang hấp hối dưới một gốc cây. Lão đã bị cấm khẩu, chỉ còn giương đôi mắt giàn giụa nước mắt van xin mọi người một điều gì không rõ và cứ nhón nhác tìm một ai trong đám đông nhưng thất vọng và chẳng được ai trả lời một câu. Đến chiều lão tắt thở. Người ta chôn lão ở ngay gốc cây đó theo cách chôn bố thí cho những kẻ lang thang.... Vài hôm sau người ta lại tìm thấy thằng bé Lionka nằm sấp dưới hố bùn, một đàn quạ bay vòng phía trên. Người ta đem chôn bé Lionka bên cạnh ông nó dưới gốc cây, xong, đắp một nắm đất nhỏ và cắm lên đấy một cây thập ác bằng đá đểo sơ sài.

NHẬN XÉT VỀ THI PHÁP CỦA GORKI THẾ KỈ XIX

Trong lịch sử văn học thế giới, phần lớn các nhà văn hiện thực thời trẻ đều thể nghiệm bản thân bằng sáng tác lãng mạn, sau đó mới đứng hẳn với phương pháp hiện thực. Có người về cuối đời lại quay về với phương pháp lãng mạn hoặc trượt xuống chủ nghĩa tự nhiên hoặc suy đồi. Gorki trong giai đoạn sáng tác đầu tiên đã cùng lúc đi theo cả hai phương pháp: lãng mạn và hiện thực. Qua một số tác phẩm đã giới thiệu ở trên cho thấy Gorki có những đóng góp mới mẻ trong hai khuynh hướng tư tưởng nghệ thuật chủ yếu của thế kỷ XIX.

Khác với mọi người, Gorki không coi phương pháp lãng mạn là sự thể nghiệm. Ông đi tìm một phương pháp lãng mạn mới, nghĩa là tìm nguyên lý của nó. Văn học lãng mạn của Gorki có yếu tố hiện thực, trong hiện thực lại có yếu tố lãng mạn trữ tình mới.

Chẳng hạn, trong truyện ngắn lãng mạn “Makar Tsudra” hiện lên bối cảnh rõ rệt là cuộc sống du mục lang thang của những người dân di dân cuối thế kỷ XIX.

Truyện vừa “Bà lão Izecghin” bên cạnh những câu chuyện phiếm của bà lão về những huyền thoại và những mối tình kỳ lạ của bà, cuộc sống trôi dạt, làm thuê,

lay lắt kiếm sống, ngỡ như gia giảm cho câu chuyện thêm sinh động, kỳ thực là hiện thực cuộc sống của dân chúng Nga thời kỳ đó.

Một điều đáng chú ý là: kết cục truyện ngắn lãng mạn của M.Gorki thường có tính chất bi thảm, tức là có tính bi kịch, nhưng là một bi kịch anh hùng ca và cả dạng tương phản của nó. Bà lão Izcghin, một phụ nữ từng trải chuyện đời và chuyện tình, bà cảm thấy hãnh diện mà khuyên bảo nhà văn trẻ “trong cuộc sống luôn có những chỗ cho những chiến công. Ai không tìm thấy cho mình những nơi để lập chiến công thì đó là những tên lười biếng, hèn nhát hoặc là những kẻ không hiểu biết gì về cuộc sống”. Những dòng cảm xúc mãnh liệt như thế cho đến hôm nay hẳn là chưa mờ nhạt, nó vẫn còn hun đúc tâm trí bạn đọc trẻ. Từ đây, chúng ta có cơ sở khẳng định: nền văn học vô sản Nga vẫn chưa phải đã kết thúc, mặc dù thể chế Liên Xô chấm dứt vai trò lịch sử của nó. Nền văn học Xô Viết bắt đầu từ Gorki vẫn là khuynh hướng văn học trẻ và vẫn thuộc về tương lai.

Trong truyện “Bà lão Izcghin” có xen vào hai truyện thuyết – huyền thoại về nhân vật Lara và Đankô. Cả hai đều là những cá nhân hùng mạnh, đầy ý chí. Sức mạnh của Lara là sức mạnh của chủ nghĩa cá nhân luôn luôn tìm mọi cách để chiến thắng vì khát vọng cá nhân, tách rời nhân dân, chống lại xã hội. Lara là một con người tinh khôn, tàn bạo, khỏe mạnh và độc ác. Nó không biết dòng dõi của nó. Nhưng người ta biết nó là con trai của một cô gái xinh đẹp bị một con đại bàng bắt về làm vợ, nó là giống người - nửa thú (con nhân điểu). Nó bắt chước cha (do dòng máu) bắt ép một cô gái, khi cô cự tuyệt, nó giết chết cô trước mặt mọi người. Nó bị trừng phạt, bằng cách thả tự do, không ai thèm nói chuyện với nó. Nó bị ruồng bỏ, sống cô đơn khủng khiếp. Thậm chí khi nó xông vào mọi người để mong họ đánh chết, mọi người đứng yên không nhúc nhích, hoặc dạt ra tránh nó. Nó phát điên lên, tìm mọi cách để tự sát nhưng không được. Nó tiếp tục lang thang, không có cuộc sống và không có cả cái chết.

Còn Đankô (*) là một chàng trai ưu tú của bộ lạc. Chàng nhận nhiệm vụ dẫn đường cho mọi người xuyên qua rừng rậm bịt lối để tiến ra thảo nguyên mênh mông bao la. Rừng hoang mù mịt trong bão táp gầm thét. Đoàn người mệt lả, nản chí trong đêm tối hãi hùng. Họ quay ra kết tội chàng Đankô với lời lẽ dữ dội và định giết chàng. Mặc cho Đankô giải thích, họ vẫn giận dữ như một bầy thú đói cùng đường. Trong tim anh bùng lên nỗi phẫn uất sục sôi, nhưng rồi lòng thương hại mọi người lại dập tắt ngọn lửa phẫn nộ ấy. Anh yêu họ và tìm cách cứu họ Trái tim anh cháy rực lên át cả nỗi buồn rầu ảm đạm. Anh hét to: “Ta sẽ làm gì cho mọi người đây?”. Bỗng nhiên anh đưa hai tay xé toang lồng ngực, dứt cháy tim ra, giơ cao lên đầu. Trái tim sáng rực như mặt trời, cả khu rừng im lặng sáng lên dưới ngọ đuốc của lòng thương yêu vĩ đại. Bóng tối tan tác, run rẩy, nhào xuống.... Đoàn người sửng sốt đứng trơ. Đankô hét lớn ‘đi thôi’, rồi vượt lên dẫn đầu, tay giơ cao trái tim cháy rực, soi đường cho mọi người. Họ chạy xông lên theo anh, sung sướng, mê cuồng. Cảnh tượng kỳ diệu của trái tim lòi cuốn họ.... Giông bão và rừng rậm bị bỏ lại phía sau. Trước mặt là thảo nguyên bừng sáng vì những giọt mưa chói lọi. Chàng Đankô kiêu hãnh đưa mắt nhìn thảo nguyên bao la trước mặt, sung sướng nhìn vùng đất tự do và bật lên tiếng cười tự hào. Rồi anh gục xuống và chết.

Hai truyện ngắn dưới đây cũng là hai bài ca anh hùng, hai bản nhạc bi tráng cất lên chấm dứt giai đoạn lãng mạn cách mạng đầu tiên của nhà văn trẻ M.Gorki: “Bài ca con chim ưng” và “Bài ca chim báo bão”.

Bài ca thứ nhất kể về hai nhân vật: Một con chim ưng từ trên trời cao bay xuống khe núi ven biển, ngực đập át, máu nhuộm đỏ bộ lông. Nó tức giận vùng vẫy. Một con rắn nước bò lại gần, hỏi thăm sự thể:

- Sao, mi sắp chết đó ư ?

- Phải ta đang hấp hối. Chim ưng đáp sau một tiếng thở dài. Ta đã sống thật huy hoàng! Ta đã biết thế nào là hạnh phúc!.... ta đã chiến đấu dũng cảm! Ta đã trông thấy trời xanh. Không bao giờ mày được thấy bầu trời gần kề như vậy!.... thật tội nghiệp cho mày....

- Thì có sao ? Trời ư ? Chỉ là một chỗ trống ... Ta bay làm sao được? Ở đây ta sướng lắm, vừa ấm áp lại vừa ẩm ướt.... Thu hết tàn lực, chim ưng thét lên, tủi buồn và đau đớn.

- Ôi giá như được bay vút lên trời cao một lần nữa! Lúc bấy giờ, ta sẽ áp chặt kẻ thù vào những vết thương trên ngực ta, sẽ bắt nó phải chết sặc trong máu của ta! ôi hạnh phúc của chiến đấu !

Rắn nghĩ: chắc trời cao cũng thích sống lắm nên con chim này mới rên rỉ như vậy. Nó bảo chim trời tự do “thế thì mi hãy cố sức lặn lên bờ vực rồi lao xuống. Có lẽ đôi cánh sẽ nâng mi, mi sẽ được sống thêm ít nữa trong môi trường quen thuộc của mi”. chim ưng bò lên miệng vực, dang cánh, hít đầy lồng ngực, mắt sáng quắc lên rồi đâm bổ xuống (...) dòng thác đón lấy chim, cuốn sạch máu nó, phủ bọt lên thân nó rồi vùn vụt đưa nó ra biển’.

Nằm trong khe núi, rắn suy nghĩ hồi lâu về cái chết của chim, về mối tình tha thiết của chim với trời cao. Rồi nó tò mò muốn bay thử xem trên trời cao có cái gì thú vị đến thế. Nó co người thành vòng, tung mình lên không... rơi ngay xuống đồng đá nhưng không chết... mà chỉ cười phá lên. Nó rút ra kết luận rằng trên đời này không có cái gì " thật buồn cười cho lũ chim ưng ngu dại, điên cuồng không biết yêu mặt đất đầy đủ thức ăn và chỗ dựa. Ta đã biết sự thật rồi". Nó rít lên.

Trong tiếng sóng gầm, đá rung lên, trời rung lên trong tiếng hát dữ dội ca ngợi con chim kiêu hãnh:

“Chúng ta hát vang lên: vinh quang thay sự điên cuồng của những người dũng cảm! Đó là trí anh minh của cuộc đời! Ôi chim ưng dũng cảm! Người đã đổ máu trong cuộc chiến đấu với kẻ thù. Nhưng rồi đây những giọt máu nóng hổi của người như những tia lửa sẽ lóe lên trong bóng đêm của cuộc sống và nhiều trái tim, quả cảm sẽ cháy bùng lên niềm khao khát điên cuồng vươn tới tự do.... Ta ca ngợi sự điên cuồng của những người dũng cảm!”.

Sang đầu thế kỷ XX, nước Nga bắt đầu một cao trào cách mạng mới. Sự kiện lịch sử này in đậm vào sáng tác của Gorki, đặc biệt truyện ngắn “Bài ca chim báo bão” (1901).Lúc này cách mạng đang tiến lại gần, bài ca thứ hai của Gorki là lời kêu gọi hào hùng thúc giục con người hướng vào cuộc chiến đấu chống lại chính quyền chuyên chế và chủ nghĩa tư bản Nga.

Đây là bản tráng ca ngắn gọn, là tiếng kèn giục giã mọi người xông vào cuộc chiến đấu.

“Trên bình nguyên bạc đầu biển cả, gió đang dồn mây đen lại. Khoảng giữa mây đen và biển rộng, chim báo bão đang kiêu hãnh bay lượn tương tự một ánh chớp đen (...). Trong tiếng kêu có niềm khao khát bão táp (...), nó cất tiếng kêu và bay lượn tựa hồ một ánh chớp đen (...). Nó lao đi như một vị hung thần, vị hung thần đen kiêu hãnh của bão táp, và cất tiếng cười và nức nở khóc.

- Bão! Trận bão sắp nổi lên rồi!

Ấy là con chim báo bão ngang tàng đang kiêu hãnh bay lượn giữa các ánh chớp trên mặt biển réo sôi và giận dữ, ấy là tiếng reo hò của sứ giả chiến thắng:

- Dữ dội hơn nữa, bão táp hãy nổi lên!

“Bài ca chim báo bão” chỉ dài một trang giấy. Ngay sau khi ra đời truyện ngắn đã được người ta chép tay hoặc in lại bằng mọi thứ máy in tới hàng triệu bản, phổ biến rộng rãi khắp nơi, có tác dụng cổ vũ khí thế mãnh liệt khí thế cách mạng của nước Nga. Trong bài báo mang tên “trước cơn bão táp” của Lênin, người đã trích dẫn lời kêu gọi của con chim báo bão “Dữ dội hơn nữa, bão táp hãy nổi lên!”.

Trong những tác phẩm có tính chất tự thuật của Gorki có 2 truyện ngắn với chủ đề mới nghe tưởng chừng như lạc lõng ra ngoài cảm hứng lãng mạn cách mạng: Chủ đề học tập và sách vở. Truyện ngắn “Sách” (1915) và truyện ngắn “Tôi đã học tập như thế nào” (1918), nhà văn kể lại quãng đời niên thiếu nghèo khổ ham học, ham đọc sách. Ông chứng minh rằng sách vở có ý nghĩa lớn lao đối với việc hình thành tính cách của mình. Đối với ông, sách vở là người bạn tri kỷ, là người thân trong cảnh cô đơn. Trong cuộc sống địa ngục chán chường đơn điệu, sách vở là người bạn đường tuyệt vời đưa ông đến một thế giới “nơi mà mọi cái đều đẹp hơn, hợp lý hơn, nhân đạo hơn”, nhưng sách vở đã không làm ông trốn tránh cuộc đời thực, xa lánh mọi người, ngược lại, sách vở đã gọi cho ông lòng tin tưởng ở mọi người, kích thích thái độ tích cực đối với cuộc sống, khát khao cải tạo lại hiện thực. Gorki tha thiết kêu gọi mọi người hãy “yêu sách vở, nó là nguồn hiểu biết, chỉ có hiểu biết mới có con đường sống, mới có thể khiến chúng ta trở thành những con người cương nghị, chính trực, khôn ngoan, có khả năng thành thật yêu mến con người, tôn trọng lao động của con người và thành tâm khâm phục thành quả tuyệt vời của lao động vĩ đại liên tục do con người làm nên”.

Vậy là hai truyện ngắn kể trên thể hiện một chủ đề mới mẻ – giai cấp vô sản phải học tập, nâng mình lên ngang tầm trí tuệ nhân loại thì mới có thể đảm trách sứ mệnh lịch sử của dân tộc và nhân loại.

Trước khi xác định thi pháp truyện M.Gorki, chúng ta hãy khảo sát một số truyện dài tiêu biểu của ông đầu thế kỉ XX - được coi là giai đoạn hai nhằm xây dựng nền văn học vô sản Nga.

SÁNG TÁC CỦA GORKI ĐẦU THẾ KỈ XX

Bộ ba tự truyện Thời thơ ấu (1913), Kiếm sống (1915), Những trường đại học của tôi (1923) và tiểu thuyết Người mẹ.

Nhân vật chính Aliosa tự thể hiện mình trong cuộc đời, lớn lên trong sự tác động hai chiều của cái thiện và cái ác, lọt vào một thế giới rộng lớn, bí ẩn....

Hình ảnh bà ngoại Akulina có ảnh hưởng sâu sắc ban đầu trong tâm hồn cậu bé Aliosa mồ côi, trái lại ông ngoại lại là ấn tượng khủng khiếp hằn sâu trong tâm trí cậu.... Sau đến các tủ sách của các bác đầu bếp trên chiếc tàu thủy chạy dọc sông Volga đã ươm mầm hoài bão trở thành nhà văn trong tâm hồn cậu bé. Sau cùng, sự tiếp xúc với những trí thức cách mạng đã giúp chàng thanh niên Alexei Peskov trở thành nhà văn M. Gorki.

Điều đáng chú ý là: trong các tác phẩm tự truyện, các sự kiện được mô tả như là môi trường nuôi dưỡng phát triển tính cách nhân vật chứ không phải giản đơn như kiểu hồi ký kể lại những gì đã qua. Trong tác phẩm, nhà văn không có ý định nói tốt, tự đề cao cho mình. Cậu bé Aliosa cứ sống tự nhiên, tự suy nghĩ, nhận thức, hành động, mắc sai lầm, rồi tự tìm ra cách ứng xử thích hợp. Trong cái thế giới xáo trộn đủ mọi điều, cậu bé lớn dần lên và trưởng thành sau khi đã nếm trải nhiều nỗi đắng cay thất bại.

Bộ ba tự truyện (khác hẳn với tự thuật) là một trong những tác phẩm hay nhất của M. Gorki, là sự đóng góp mới cho sự phát triển của thể loại văn học tự truyện. Một nhà văn nước ngoài sau khi đọc xong bộ tự truyện này đã phát biểu “Bộ ba tự truyện của M. Gorki là món quà quý báu mà văn học Xô viết đã tặng cho nhân loại”.

TIỂU THUYẾT “NGƯỜI MẸ” không phải là tác phẩm hay nhất của M. Gorki, nhưng là tác phẩm có vị trí đặc biệt trong văn học Nga và thế giới hiện đại. Nó là cái mốc chính thức khởi đầu cho một khuynh hướng văn học vô sản được gọi là “chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa”.

Tóm lược nội dung tiểu thuyết Người Mẹ:

Xóm thợ ngoại ô nghèo tăm tối của những người thợ. Gia đình bác thợ Mikhail Vlasov có vợ là bà Nilovna và con trai đã lớn là Pavel Vlasov. Bác là thợ kỳ cựu, giỏi nghề, vẫn nghèo khổ và nghiện rượu, cục cằn thô lỗ. Mọi sự uất hận đối với cuộc đời bác trút hết lên đầu vợ con. Lao động kiệt sức và nghiện rượu đã quật ngã bác thợ lúc ngoài 40 tuổi.

Pavel tham gia tổ chức công nhân hoạt động cách mạng. Bà Nilovna lo lắng sợ hãi nhưng bà cũng mừng vì thấy con chăm đọc sách, ít đi chơi, ăn nói tử tế với bà. Công nhân đấu tranh phản đối chủ nhà máy giảm lương của thợ. Pavel và những người tình nghi đã bị bắt. Cảnh sát khám nhà, bà mẹ lo sợ. Bà nhận đưa truyền đơn vào nhà máy. Một anh công nhân đến ở với bà, dạy bà học chữ.... Ngày quốc tế lao động nổ ra biểu tình lớn, Pavel dẫn đầu, bà mẹ cũng tham gia. Bị đàn áp, Pavel bị bắt giam. Bà mẹ thoát ly, tham gia hoạt động. Tòa án xử những người cầm đầu biểu tình, trước đó bạn bè tổ chức vượt ngục nhưng anh không tham gia. Trước tòa, Pavel phát biểu một bản cáo trạng lên án chế độ tư bản và giai cấp thống trị. Người ta in lại bài nói của anh thành truyền đơn. Bà mẹ được giao nhiệm vụ mang truyền đơn đi rải. Bị cảnh sát bắt ở ga xe lửa, bà mẹ mở vali và tung ra toàn bộ số truyền đơn trước công chúng và hét lên giận dữ. Tác phẩm kết thúc ở đó.

Tiểu thuyết “Người Mẹ” mô tả quá trình giác ngộ cách mạng của hai nhân vật: anh công nhân Pavel và bà mẹ Nilovna cùng với phong trào cách mạng đang lớn mạnh. Hình tượng nhân vật người mẹ Nilovna là trung tâm của tác phẩm, đi từ sợ hãi đến khắc phục nỗi sợ hãi, lấy lại niềm tin vào chính mình và giai cấp vô sản. Bà trở thành người mẹ tinh thần của những người cách mạng.

Sáng tác của Gorki bao gồm truyện ngắn, kịch và tiểu thuyết. Dưới đây chúng tôi rút ra một số đặc điểm thi pháp của truyện Gorki (gồm truyện ngắn và tiểu thuyết).

Đọc truyện của Gorki, dõi theo cái nhìn, tầm nhìn của nhà văn chúng ta sẽ thấy rằng, bên cạnh nội dung tư tưởng thẩm mỹ mới mẻ còn có sự đổi mới quan trọng về nghệ thuật viết truyện, có thể khái quát thành bốn đặc điểm chủ yếu:

1. Tầm vóc nhân vật

Trước hết đó là một cảm quan mới vừa hiện thực vừa lãng mạn trong cách nhìn nhận, khám phá và mô tả cuộc sống. Xuất phát từ đó mà sự khái quát nghệ thuật trong truyện của ông đạt tới mức độ chính xác, sâu sắc, chân thực hơn. Con người và cuộc sống hiện lên trong một tầm vóc cao lớn hơn dưới những màu sắc mới mẻ, tươi sáng hơn. Không kể trong truyện ngắn lãng mạn (thời kỳ đầu) và những truyện hiện thực xã hội chủ nghĩa (thời kỳ sau cùng) mà ngay trong những truyện ngắn hiện thực đầu tay của M.Gorki đã thấy các nhân vật ở đó không hoàn toàn giống như trong văn học hiện thực phê phán: các nhân vật của ông không cảm thấy mình bé nhỏ, chán nản, vô vọng trước cuộc sống chật hẹp, tối tăm, tù túng, trái lại họ luôn cảm thấy mình có nơi để đến, có một cái gì đó không cúi rạp mình, có một chiều cao để không thấy mình thấp bé, hèn hạ....

Thử so sánh với truyện ngắn Sekhov - đại biểu ưu tú cuối cùng của văn học hiện thực phê phán Nga, người có công lao khám phá và miêu tả loại nhân vật “con người bé nhỏ”. Khó có thể tìm thấy trong truyện ngắn Sekhov chẳng hạn cậu bé Lionka (Ông lão Arkhiv và bé Lionka), một gã Tsencase (truyện cùng tên), một Konovalov hay một Emelien Pilai (tác phẩm cùng tên)... với một khuôn mặt tinh thần mới mẻ, có sức lay động tâm trí độc giả đến như vậy.

2. Cảm hứng chủ đạo

Trong truyện của M. Gorki, các sự việc, sự kiện của đời sống hàng ngày không chỉ được soi sáng, thể hiện từ góc độ đạo đức sinh hoạt (nhân sinh quan thuần túy) mà còn chủ yếu từ góc độ chính trị - xã hội - triết học. Đọc truyện của ông ta sẽ còn nắm bắt được cái mạch chính của cuộc sống đang tuôn chảy về đâu. Điều đó lôi cuốn bạn đọc không thể thờ ơ với những biến cố và không thể dễ dàng “thỏa thuận” với nó. Một con rắn nước (Bài ca con chim ưng) vốn đã thỏa mãn với cuộc sống “bò trườn” của mình thế mà ý nghĩ của hán bổng rồi tung lên trước cái chết của con chim ưng rất khó hiểu đối với hán. Một anh chàng Orlov (Vợ chồng Orlov) cùng quần, tắm tối vẫn không chịu chết dần chết mòn trong đời sống vô vị, trong khi cuộc sống cộng đồng đang cần đến biết bao nhiều việc làm có ích của mọi người và thế là anh ta hành động.... Anh đi cứu chữa người mắc bệnh dịch dù biết sẽ bị lây bệnh mà chết.

3. Qui mô thể giới nghệ thuật:

Trong truyện Gorki, thể giới nghệ thuật được thể hiện và sáng tạo trên qui mô ba chiều:

Chiều cao tư tưởng thẩm mỹ (sự vươn tới trí tuệ lịch sử và lý tưởng nhân văn thẩm mỹ thời đại).

Chiều sâu tâm lý của tính cách nhân vật.

Và chiều rộng sử thi của “Biển cả nhân dân” (sự thức tỉnh, chuyển động và vươn mình của quần chúng đông đảo).

Tuy rằng điều này trước đây đã bắt đầu xuất hiện trong tiểu thuyết của L.Tolstoi, nhưng cái mới của Gorki là ở chỗ miêu tả được mối liên hệ biện chứng, trực tiếp giữa ba chiều ấy với nhau, trong đó chiều cao tư tưởng - thẩm mỹ giữ vai trò chủ đạo. Còn ở tác phẩm của Tolstoi mối liên hệ biện chứng này còn ở dạng cảm tính mơ hồ, chưa phải là những quan điểm chính trị - xã hội - triết học. Nói cách khác, sự khác biệt giữa hai ông là khác biệt giữa tự phát và tự giác.

4. Hai tuyến nhân vật và ngôn ngữ đặc thù:

Các nhân vật dần trải theo hai tuyến đối lập nhau trên cơ sở lợi ích và ý thức hệ giai cấp. ngôn ngữ của nhân vật không chỉ là phương tiện giao tiếp tự bộc lộ tính cách mà còn bộc lộ bản chất xã hội - giai cấp của họ nữa.

Ngôn ngữ của nhân vật có tính chất tổng kết giàu tính triết lý dân gian pha lẫn tính tri thức. Có thể nhận định, quần chúng nhân dân có có tiếng nói thật sự của mình.

Nhà nghệ sĩ M. Gorki đã đóng góp vào nền văn học Nga và thế giới nhiều thành tựu xuất sắc. Dễ thấy nhất là nhà văn đã xây dựng hàng loạt các nhân vật “Con người dưới đáy”. Chúng ta hãy so sánh với nền văn học Nga thế kỷ XIX để thấy sự chuyển tiếp:

- + Thi hào Puskin và sau đó là Lermontov, đã xây dựng các nhân vật điển hình kiểu “con người thừa” xuất thân từ tầng lớp quý tộc như Evgeni Onegin, Lenski (tiểu thuyết thơ Evgeni Onegin), và Grinhov (người con gái viên đại úy).

- + Nhà văn L.Tolstoi tiếp tục xây dựng các mẫu "con người thừa" khác như: Andrey Bonconski, Pierre Bezukhov... (tiểu thuyết sử thi Chiến tranh và hòa bình), Anna Karelina, Vronski và Levin (tiểu thuyết Anna Karelina), Nekhliudov (tiểu thuyết phục sinh), Tolstoi cũng đã lần đầu xây dựng hình tượng người nông dân nga Karataev và lấp ló con người bé nhỏ, con người dưới đáy là cô Matslova (phục sinh).

- + Nhà văn Anton Sekhov với một số vở kịch “vườn anh đào”, “chim hải âu” tiếp tục hoàn chỉnh tập hợp chân dung những con người thừa có xu hướng tiến bộ. Đồng thời Sekhov đã sáng tạo hàng loạt nhân vật kiểu con người bé nhỏ, đạt đến độ điển hình cao nhất của văn học Nga (có thể liên hệ so sánh với những kiểu nhân vật “con người sống mòn”, “con người tha hóa”, và “con người bé nhỏ” của Nam Cao và Nguyễn Hồng).

Khi bước vào văn học, nghệ sĩ M.Gorki đã mang theo những bạn đồng hành ngoài đời của mình - xây dựng họ thành kiểu nhân vật “con người dưới đáy” với những tính cách đa dạng, nổi bật hơn bao giờ hết. Có thể kể như lão Arkhiv và bé Lionka, ông già du mục Makar Tsudra, bà lão Izecghin, gã lưu manh (hảo hán) Tsencasơ, cô gái điếm... kể cả những nhân vật lãng mạn - huyền thoại như Đankô, Loiko Zoiba, thiếu nữ du mục Radda....

Sau giai đoạn lãng mạn là hiện thực chủ nghĩa, M.Gorki tiếp tục sáng tạo ra những CON NGƯỜI MỚI chưa từng có trong lịch sử như hai mẹ con Pavel Vlasov, bác thợ Rubin, cô giáo Lutmila ... đã giác ngộ cách mạng vô sản bằng tất cả tâm huyết và cuộc đời mình.

Bên trong nhà nghệ sĩ M.Gorki, còn có nhà phê bình, nhà nghiên cứu, lý luận sắc sảo Gorki với nhiều cố gắng đóng góp nền tảng cho một phương pháp